



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY  
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam

Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038

Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 24.04.06 /TN - 06

Trang/Page: 1 / 2

- Tên mẫu thử: Đèn LED Panel P07 300x1200/48W.UGR.PLUS 6500K (KPK) SS  
Name of sample
- Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
- Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
- Ký hiệu: P07 300x1200/48W.UGR.PLUS  
Model
- Mã số mẫu: 24.04.06.06  
Code of sample
- Ngày nhận mẫu: 06/ 04/ 2024  
Date of reception
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
- Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

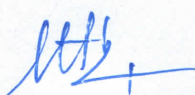
Hanoi, Date of 15/ 04/ 2024

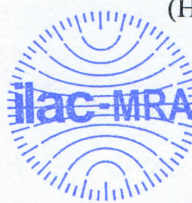
Thử nghiệm viên/Tester

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư



Kim Tuấn Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

PTN.TT02.BM04 Ban hành lần 1.1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****Test Results**

| TT/<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Specifications                                                 | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method             | Yêu cầu<br>Requirement                 | Kết quả<br>Result |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| 1         | Ghi nhãn                                                                       |                | TCVN 7722-1:2017/<br>IEC 60598-1:2014      | Rõ ràng, đủ độ bền                     | Đạt               |
| 2         | Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ (20 ÷ 30)°C, độ ẩm tương đối (91 ÷ 95) %RH |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 |                                        |                   |
| 2.1       | Điện trở cách điện                                                             | MΩ             |                                            | ≥ 2                                    | > 200             |
| 2.2       | Thử nghiệm độ bền điện áp 1 440 V/1 phút, tần số 50 Hz                         |                |                                            | Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng | Đạt               |
| 3         | Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz                           |                |                                            |                                        |                   |
| 3.1       | Công suất                                                                      | W              |                                            | ≤ 48 + 10%                             | 44,8              |
| 3.2       | Dòng điện                                                                      | mA             |                                            | --                                     | 210,6             |
| 3.3       | Hệ số công suất                                                                |                |                                            | ≥ 0,9 – 0,05                           | 0,967             |
| 3.4       | Quang thông                                                                    | lm             |                                            | ≥ 5 040 – 10%                          | 5 181             |
| 3.5       | Hiệu suất phát sáng                                                            | lm/W           |                                            | ≥ 105 – 20%                            | 115,6             |
| 3.6       | Nhiệt độ màu tương quan (CCT)                                                  | K              |                                            | --                                     | 6 594             |
| 3.7       | Hệ số thể hiện màu (CRI)                                                       |                |                                            | ≥ 85 – 3                               | 84,8              |